

Số: 433/TB-HVTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2022 ĐỢT 03
TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ”; Quyết định số 16/QĐ-HVTC ngày 10/01/2022 của Giám đốc Học viện Tài chính về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Tài chính”; Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ dự kiến năm 2022. Học viện Tài chính thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2022 đợt 03 như sau:

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến:

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
1	Tài chính - Ngân hàng	8.34.02.01	150
2	Kế toán	8.34.03.01	150
3	Quản lý kinh tế	8.34.04.10	80

2. Đối tượng tuyển sinh: Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có nhân thân rõ ràng.

3. Phương thức tuyển sinh và thang điểm xét tuyển:

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển;

3.2. Thang điểm xét tuyển: Theo quy định tại **Phụ lục 01** của Thông báo này.

4. Hình thức và thời gian đào tạo:

4.1. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng.

4.2. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ theo hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng); theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng).

5. Điều kiện dự tuyển:

5.1. Điều kiện văn bằng:

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Học viện Tài chính;

c) Đã tốt nghiệp đại học ngành khác (đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngành quản lý kinh tế) với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Học viện Tài chính;

d) Văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, ứng viên dự tuyển phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định tại **Phụ lục 02** của Thông báo này.

5.2. Về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển:

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình có số tín chỉ được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài chiếm tối thiểu 75% tổng số tín chỉ;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Tài chính cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại **Phụ lục số 03** của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Ứng viên dự tuyển không có văn bằng, chứng chỉ tiếng Anh theo qui định hoặc có nhưng đã hết thời hạn, phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do Học viện Tài chính tổ chức (nếu có) và phải đạt yêu cầu theo quy định trở lên;

đ) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

5.3. Học bổ sung kiến thức:

Người có bằng đại học ngành đúng, ngành phù hợp (nhưng khác nhau từ 10% trở lên tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành ở trình độ đại học), Người có bằng đại học ngành đúng, ngành phù hợp nhưng đã tốt nghiệp từ 5 năm trở lên (tính từ ngày cấp bằng đến ngày hết hạn nộp hồ sơ); người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần; ngành khác (đối với ngành quản lý kinh tế) với ngành đào tạo thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự tuyển. Học viên phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với hệ đại học.

5.4. Điều kiện thâm niên công tác:

Thí sinh đã tốt nghiệp đại học (dưới 5 năm) thuộc ngành đúng, phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Những đối tượng còn lại được dự tuyển sau khi đã tốt nghiệp và được cấp chứng chỉ bổ sung kiến thức ngành, chuyên ngành của Học viện Tài chính.

5.5. Điều kiện về lý lịch:

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

5.6. Điều kiện về sức khỏe:

Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học Học viện Tài chính sẽ xem xét, quyết định cho dự tuyển tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo.

5.7. Điều kiện về hồ sơ:

Thí sinh dự tuyển phải nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện Tài chính.

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

6.1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

6.2. Mức ưu tiên:

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả xét tuyển 10 điểm theo thang điểm 100.

7. Kế hoạch tuyển sinh

7.1. Học bổ sung kiến thức:

Thời gian đăng ký học	Từ ngày 05/09/2022	Các ngày trong tuần từ 8h00 đến 17h00
Địa điểm đăng ký học	Phòng 405 khoa SĐH – HVTC, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội	
Thời gian học BSKT	Từ ngày 24/09/2022	Thứ bảy, chủ nhật và các tối trong tuần
Thời gian thi các học phần	Từ 03/12/2022 đến 04/12/2022	Tại 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội
Thời gian nhận chứng chỉ	Từ 17/12/2022 đến 18/12/2022	

7.2. Ôn thi Tiếng Anh:

Thời gian đăng ký học	Từ ngày 05/09/2022	Các ngày trong tuần từ 8h00 đến 17h00
Địa điểm đăng ký ôn thi	Phòng 305 khoa SĐH – HVTC, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội	
Thời gian học ôn thi	Từ ngày 03/10/2022	Các ngày thứ bảy và chủ nhật trong tuần

7.3. Thời gian phát hành, nhận hồ sơ dự tuyển:

Thời gian phát hành hồ sơ	Từ 03/10/2022 đến 18/12/2022	Tại phòng 305, 405 khoa SĐH – HVTC,
---------------------------	------------------------------	-------------------------------------

Thời gian nhận hồ sơ	Từ 21/11/2022 đến 18/12/2022	19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội
----------------------	------------------------------	-----------------------------------

7.4. Thời gian và địa điểm xét tuyển:

Thời gian xét tuyển	Dự kiến các ngày 24/12/2022 và 25/12/2022
Địa điểm xét tuyển	Học viện Tài chính (19 ngõ Hàng Cháo - Quận Đống Đa - Hà Nội)

7.5. Thời gian công bố kết quả xét tuyển, nhập học và khai giảng khóa học

Công bố kết quả xét tuyển	Dự kiến từ ngày 30/12/2022 đến ngày 31/12/2022
Nhập học	Dự kiến từ ngày 07/01/2023 đến ngày 08/01/2023
Khai giảng	Dự kiến từ ngày 14/01/2023 đến ngày 15/01/2023

Ghi chú:

- Đối với các thí sinh phải học bổ sung kiến thức:
 - + Khi đến đăng ký học bổ sung mang theo bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học (bản foto có công chứng) để đối chiếu. Lịch học các học phần bổ sung xem trên Website: www.hvtc.edu.vn hoặc www.sdh-aof.edu.vn
 - + Địa điểm thi các học phần bổ sung kiến thức; nhận chứng chỉ bổ sung kiến thức tại Học viện Tài chính, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội.
 - + Nộp hồ sơ vào các ngày 17/12/2022 và 18/12/2022.
 - Mỗi thí sinh chỉ được phép đăng ký dự tuyển vào 01 ngành đào tạo, Học viện Tài chính chỉ nhận hồ sơ dự tuyển theo mẫu do Học viện phát hành tại kỳ thi tuyển sinh năm 2022 đợt 03.
 - Học viện Tài chính sẽ thông báo kết quả tuyển sinh trên website: www.hvtc.edu.vn hoặc www.sdh-aof.edu.vn và niêm yết tại bảng tin Khoa Sau đại học.
- Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ: *Giang Thị Thu Hiền - Khoa Sau đại học, ĐT: 0936.384.599, Tạ Thị Anh - Khoa Sau đại học, ĐT: 0912.556.399* hoặc xem trên Website của Học viện Tài chính, Website của khoa Sau đại học, Bảng tin Khoa Sau đại học.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ TC (để báo cáo);
- Các Bộ, Ngành, TCTy, UBND các tỉnh;
- Ban GDHV, các Ban, Khoa, Bộ môn;
- Lưu VT, khoa SDH. (6b) *lsc*

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Cơ

PHỤ LỤC 01
THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

TT	Nội dung, yêu cầu	Thang điểm	Tổng điểm tối đa	Tỷ trọng
1	Tốt nghiệp đại học		70	70%
	- Loại xuất sắc	70		
	- Loại giỏi	65		
	- Loại khá	60		
	- Loại khác	55		
2	Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường trở lên		10	10%
	- Có từ 5 bài trở lên	10		
	- Có từ 2 - 4 bài	7		
	- Có 01 bài	3		
3	Tham gia hoặc chủ nhiệm: đề tài nghiên cứu KH hoặc công trình dự thi NCKH sinh viên		10	10%
	- Đề tài KH cấp Nhà nước	10		
	- Đề tài KH cấp Bộ /Thành phố/Tỉnh	7		
	- Đề tài KH cấp cơ sở	5		
	- Công trình dự thi NCKH sinh viên đạt giải hoặc giấy khen thành tích NCKH sinh viên cấp trường (hoặc cấp cơ sở) trở lên;	3		
4	Kinh nghiệm công tác (năm)		10	10%
	- Từ 10 năm trở lên	10		
	- Từ 5 - 9 năm	7		
	- Từ 2 - 4 năm	5		
	- Dưới 2 năm	3		
	Tổng		100	100%

PHỤ LỤC SỐ 02
NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC
VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngành, chuyên ngành	Ngành (chuyên ngành) tốt nghiệp đại học
1	Ngành Tài chính – Ngân hàng	
1.1	Chuyên ngành đúng và phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên ngành của Học viện Tài chính: Quản lý tài chính công; Thuế; Tài chính Bảo hiểm; Hải quan và nghiệp vụ kỹ thuật ngoại thương; Hải quan và logistics; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Ngân hàng; Định giá tài sản và Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh chứng khoán; Phân tích tài chính; Phân tích chính sách tài chính; Đầu tư tài chính. - Các chuyên ngành thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng của các cơ sở đào tạo khác;
1.2	Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán, nhóm ngành Quản trị - Quản lý) của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác. - Các chuyên ngành: Tin học Tài chính kế toán; Tiếng Anh Tài chính - Kế toán; Kinh tế các nguồn lực tài chính; Kinh tế đầu tư tài chính; Kinh tế và Quản lý nguồn lực tài chính; Kinh tế - Luật của Học viện Tài chính. - Các chuyên ngành thuộc các ngành: kinh tế học, kinh tế, kinh tế chính trị, kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế của các cơ sở đào tạo khác. - Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng: Hậu cần công an nhân dân, Hậu cần quân sự.
2	Ngành Kế toán	
2.1	Chuyên ngành đúng và phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên ngành của Học viện Tài chính: Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Kế toán công. - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán của các cơ sở đào tạo khác.
2.2	Chuyên ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm của Học viện Tài chính. - Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, nhóm ngành Quản trị - Quản lý) của các trường đại học khác. - Các chuyên ngành: Tin học Tài chính kế toán; Tiếng Anh Tài chính - Kế toán; Kinh tế các nguồn lực tài chính; Kinh tế đầu tư tài chính; Kinh tế và Quản lý nguồn lực tài chính; Kinh tế - Luật của Học viện Tài chính. - Các chuyên ngành thuộc các ngành: kinh tế học, kinh tế, kinh tế

		<p>chính trị, kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế của các cơ sở đào tạo khác.</p> <p>- Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng: Hậu cần công an nhân dân, Hậu cần quân sự.</p>
3	Ngành Quản lý kinh tế	
3.1	Chuyên ngành đúng và phù hợp	Các ngành, chuyên ngành của Học viện Tài chính và các cơ sở đào tạo khác: Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quản lý tài chính công.
3.2	Chuyên ngành gần	<p>- Các chuyên ngành của Học viện Tài chính: Tài chính Bảo hiểm; Thuế; Hải quan và nghiệp vụ kỹ thuật ngoại thương; Hải quan và logistics; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Ngân hàng; Định giá tài sản và Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh chứng khoán; Phân tích tài chính; Phân tích chính sách tài chính; Đầu tư tài chính.</p> <p>- Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm của các cơ sở đào tạo khác;</p> <p>- Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán) của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác.</p> <p>- Các chuyên ngành: Tiếng Anh Tài chính - Kế toán; Kinh tế các nguồn lực tài chính; Kinh tế đầu tư tài chính; Kinh tế và Quản lý nguồn lực tài chính; Kinh tế - Luật của Học viện Tài chính.</p> <p>- Các chuyên ngành thuộc các ngành: kinh tế học, kinh tế, kinh tế chính trị, kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế của các cơ sở đào tạo khác.</p> <p>- Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng: Hậu cần công an nhân dân, Hậu cần quân sự.</p>
3.3	Chuyên ngành khác	Ngoài các ngành và chuyên ngành đã nêu ở trên

PHỤ LỤC 03

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO
VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga			